TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/DSST
Ngày: 16-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Lê Văn Bài**;
Ông **Lê Thanh Bình.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công K vụ án thụ lý số: 53/TLST–DS ngày 20-10-2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"*; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-DS ngày 11-8-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2024/QĐST-DS ngày 28-6-2024 giữa:

Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

Bị đơn: Bà Thạch Thị S, sinh năm 1976 và ông Thạch K, sinh năm 1973 (Khon K); Địa chỉ: ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, Trà Vinh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Thạch Thị X, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp C, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

3. Bà Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô T1, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

4. Chị Thạch Thị P, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

6. Chị Thạch Thị Sô P, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

7. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp C, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

8. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

9. Bà Dương Thị D, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô Đ, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

10. Bà Thạch Thị H1, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

11. Chị Thạch Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

12. Bà Lâm Thị H1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

13. Chị Thạch Thị Sa P1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

14. Chị Thạch Thị Thia H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

15. Chị Thạch Thị P1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

16. Chị Thạch Thị Ánh N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

16. Chị Lâm Thị C, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp G T, xã T N, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 01/6/2019, bà có tổ chức khui dây hụi 10 dây hụi (dây 01 đến 10), bà Thạch Thị S, ông Thạch K (danh sách tên Khon K) tham gia 10 dây; hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loai hụi 10.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, bà có giao danh sách hụi viên cho tất cả hụi viên tham gia theo dõi, mỗi dây có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 3.000.000 đồng/lần hốt, 01 tháng khui 01 lần, sau khi khui hụi bà có trách nhiệm gom tiền của hụi viên rồi giao cho người trúng thăm hốt hụi. Tất cả 10 dây hụi bà tổ chức khui đến lần thứ 12, còn lại 03 lần khui mới mãn hụi, cụ thể bà S, ông K tham gia và bỏ thăm hốt hụi như sau:

Dây 1: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 10 bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 11 bà S, ông K bỏ thăm 5.700.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 114.200.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi chết đến lần thứ 12;

Ở lần thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **12.900000 đồng.**

Dây 2: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 09 bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 10 bà S, ông K bỏ thăm 6.290.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 105.550.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi chết đến lần thứ 12;

Ở lần thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **11.130.000 đồng.**

Dây 3: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 11 bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 12 bà S, ông K bỏ thăm 4.150.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 124.550.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Ở lần thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **17.550.000 đồng.**

Dây 4: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 01 phần, từ lần khui hụi thứ 01 đến thứ 08 bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 09 bà S, ông K bỏ thăm 6.220.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 99.680.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi chết đến lần thứ 12;

Ở lần thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **11.340.000 đồng.**

Dây 5: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 02 phần, ở lần khui hụi thứ 01 bà S, ông K bỏ thăm 3.000.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 95.000.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ; có đóng 01 phần hụi sống;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi sống, chết đến lần thứ 07;

Lần 8: Ông K, bà S (Khon K) bỏ thăm 6.600.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi (phần 2), tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 90.800.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ; có đóng 01 phần hui chết;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi chết đến lần thứ 12;

Ở lần khui thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **31.200.000 đồng** (21.000.000đ + 10.200.000đ).

Dây 6: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 01, 02 bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 03 ông K, bà S bỏ thăm 5.320.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 73.160.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi chết đến lần thứ 12;

Ở lần khui thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **14.040.000 đồng.**

Dây 7: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 01 đến thứ 04 bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 05 ông K, bà S bỏ thăm 5.520.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 81.800.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi chết đến lần thứ 12;

Ở lần khui thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **13.440.000 đồng.**

Dây 8: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 01 bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 02 ông K, bà S bỏ thăm 4.710.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 75.770.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi chết đến lần thứ 12;

Ở lần khui thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **15.870.000 đồng.**

Dây 9: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 01 đến thứ 03 bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 04 ông K, bà S bỏ thăm 4.680.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 85.520.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi chết đến lần thứ 12;

Ở lần khui thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **15.960.000 đồng.**

Dây 10: Ông K, bà S (Khon K) tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 01 đến thứ 05 bà S, ông K đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 06 ông K, bà S bỏ thăm 5.970.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà S, ông K được nhận bằng 82.270.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà S, ông K nhận, không có làm giấy tờ;

Sau khi hốt hụi ông K, bà S đóng hụi chết đến lần thứ 12;

Ở lần khui thứ 13 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng **10.920.000 đồng.**

Bà Trần Thị H yêu cầu ông Thạch K và bà Thạch Thị S cùng có trách nhiệm trả lại 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 155.520.000 đồng (Loại hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 01/6/2019, dây hụi số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10), không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Thạch

Thị S và ông Thạch K không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án có lập biên bản về việc không tiến Hnh lấy lời khai được đối với bà S và ông K ở các dây hụi trên, nên không xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đương sự đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có ý kiến trình bày: Ngày 01/6/2019, bà Trần Thị H (10 D) có tổ chức khui 10 dây hụi (dây 01 đến 10), loại hụi 10.000.000 đồng, có 15 phần, bà H úp hụi ở lần khui thứ 12, còn lại 03 lần khui mới mãn hụi. Sau khi úp hụi chủ hụi và hụi viên có tính toán tiền hụi sống ở các dây hụi trên xong, không có ai khởi kiện bà H chung vụ kiện này, mọi người thống nhất để cho bà H khởi kiện bà S, ông K.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 10 danh sách hụi viên, loại hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 01/6/2019 (photo); chứng minh nhân dân tên Trần Thị H (photo); Các biên nhận tính tiền hụi giữa chủ hụi với hụi viên (photo); Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

2. Buộc ông Thạch K và bà Thạch Thị S cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 155.520.000 đồng (Loại hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 01/6/2019, dây hụi số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10); Bà Trần Thị H không yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi". Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Chị Thạch Thị X, ông Nguyễn Văn M, chị Thạch Thị Sô P, chị Nguyễn Thị T, bà Thạch Thị H, bà Dương Thị D, bà Thạch Thị H1, chị Thạch Thị L, bà Lâm Thị H, chị Thạch Thị Sa P, chị Thạch Thị Thia H, chị Thạch Thị P, chị

Thạch Thị Ánh N, chị Lâm Thị C, có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bà Thạch Thị S, ông Thạch K, bà Sơn Thị Sa R, bà Thạch Thị P1 vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Trần Thị H yêu cầu Thạch K và bà Thạch Thị S cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 155.520.000 đồng (Loại hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 01/6/2019, dây hụi số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10); Bà Trần Thị H không yêu cầu tính lãi.

[3]. Đối với bà Thạch Thị S và ông Thạch K mặc dù không đến Tòa án giải quyết vụ án với bà H, Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà bà H nộp khởi kiện gồm: Đơn khởi kiện, 10 danh sách hụi viên (dây số 01 đến 10), loại hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 01/6/2019 thể hiện ông, bà là hụi viên tên (Khon K) tham gia các dây hụi trên và những chứng cứ khác có liên quan để ông, bà có ý kiến hoặc phản bác về nội dung nguyên đơn bà H nộp khởi kiện. Qua làm việc bà Thạch S với ông Thạch K không có ý kiến phản bác về nội dung bà H khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4] Hụi viên còn hụi sống ở 10 dây hụi trên cùng có ý kiến thống nhất vào ngày 01/6/2019, bà Trần Thị H (10 D) có tổ chức khui 10 dây hụi (dây số 01 đến 10), loại hụi 10.000.000 đồng, mỗi dây có 15 phần, bà H úp hụi ở lần khui thứ 12, còn lại 03 lần khui nữa mới mãn hụi. Sau khi úp hụi chủ hụi và hụi viên đã tính toán cấn trừ 03 lần tiền hụi sống ở các dây hụi trên xong, không có ai khởi kiện bà H, thống nhất để cho bà H khởi kiện bà S, ông K.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Thạch Thị S và ông Thạch K phải chịu theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn bà Trần Thị H không phải chịu án phí.

[6] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

2. Buộc bà Thạch Thị S và ông Thạch K cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H 03 lần tiền hụi đã nhận bằng 155.520.000 đồng (Loại hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 01/6/2019, dây hụi số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10); Bà Trần Thị H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Thạch Thị S và ông Thạch K phải chịu 7.776.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 3.880.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017093 ngày 18-10-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Trần Thị H.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng măt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tư ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Bài –Lê Thanh Bình Dương Thị Mỹ Chấm